

CHỈ SỐ ĐẶC TRƯNG BIẾN ĐỘNG TỶ GIÁ XUẤT/NHẬP KHẨU TRONG PHÂN TÍCH ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI VIỆT NAM THỜI KỲ 1991-2000 (Tiếp theo)

TS. Lý Minh Khải

Thời kỳ 1995 - 1999: Thời kỳ này là thời kỳ xảy ra cuộc khủng hoảng tài chính trong khu vực. Mặc dù Việt Nam không phải trung tâm của cơn bão khủng hoảng tài chính khu vực đi qua, nhưng đối với lĩnh vực xuất nhập khẩu thì sự ảnh hưởng tác động liên đới của nó cũng không phải nhỏ và đã làm cho tình hình xuất nhập khẩu nước ta bị chững lại rõ rệt trong một số năm của thời kỳ này. Nó không những làm cho tốc độ tăng trưởng về kim ngạch xuất, nhập khẩu sụt giảm xuống đáng kể, từ xuất khẩu tăng 35,8% trong năm 1994, tăng 34,4% trong năm 1995, tăng 33,3% trong năm 1996 đã xuống chỉ còn tăng 1,9% trong năm 1997; Nhập khẩu từ tăng **48,5% trong năm 1994, tăng 40% trong năm 1995, tăng 36,6% trong năm 1996**

xuống chỉ còn tăng 4% trong năm 1997, đã giảm 0,8% trong năm 1998 và chỉ tăng 1,1% trong năm 1999 mà còn làm cho giá cả xuất, nhập khẩu cũng bị giảm theo. Từ tốc độ tăng giá xuất khẩu 13,1% trong năm 1995 đã xuống chỉ còn tăng 3,5% trong năm 1996, còn tăng 0,4% trong năm 1997 và đến năm 1998 không những không tăng mà đã giảm xuống 3,4% và giảm 1,1% trong năm 1999. Tình hình giá nhập cũng diễn ra tương tự, từ chỗ còn tăng ở mức 7,3% trong năm 1995 đến năm 1999 thì không những không tăng mà đã giảm xuống đến 9,9%. Chỉ số liên hoàn hằng năm giá xuất nhập khẩu chung và giá xuất nhập khẩu riêng một nhóm hàng chính trong thời kỳ này như trong bảng 5 sau đây:

Bảng 5: Chỉ số giá liên hoàn xuất và nhập khẩu Việt Nam 1995-1999
(Lấy giá năm trước = 100)

Đơn vị tính: %

	1995	1996	1997	1998	1999
A. Chỉ số chung giá xuất khẩu	113,1	103,5	100,4	96,6	98,9
I. Hàng tiêu dùng	111,3	102,6	100,1	100,4	94,4
- Hàng lương thực-thực phẩm	119,2	103,2	97,7	99,7	94,0
- Hàng phi lương thực- thực phẩm	100,0	101,1	107,5	102,5	95,8
II- Hàng tư liệu sản xuất	112,1	104,2	100,6	93,9	102,5
B. Chỉ số chung giá nhập khẩu	107,3	104,8	103,5	98,0	90,1
I. Hàng tiêu dùng	106,5	102,5	103,1	97,3	95,3
II- Hàng tư liệu sản xuất	107,5	105,4	103,6	98,2	90,1

Để thấy mức độ biến động về mối quan hệ giữa giá xuất khẩu và giá nhập khẩu hay chỉ số điều kiện xuất nhập khẩu Việt Nam qua từng năm trong thời kỳ này ta tính toán các chỉ số tỷ giá liên hoàn hàng năm giữa xuất khẩu và nhập khẩu trong bảng 6 sau đây:

Bảng 6: Chỉ số tỷ giá liên hoàn xuất/ nhập khẩu Việt Nam 1995-1999
(Lấy tỷ giá năm trước = 100)

Đơn vị tính: %

	1995	1996	1997	1998	1999
1. Chỉ số tỷ giá xuất/nhập khẩu chung	105,4	98,8	97,0	98,6	109,8
2. Chỉ số tỷ giá xuất chung/nhập hàng tiêu dùng	106,2	101,0	97,4	99,3	103,8
3. Chỉ số tỷ giá xuất chung/nhập hàng tiêu dùng lương thực - thực phẩm	97,1	100,7	97,5	100,1	105,8
4. Chỉ số tỷ giá xuất chung / nhập hàng tiêu dùng phi lương thực - thực phẩm	113,1	103,5	100,4	96,6	98,9
5. Chỉ số tỷ giá xuất chung / nhập hàng tư liệu sản xuất	105,2	98,2	96,9	98,4	109,8
6. Chỉ số tỷ giá xuất hàng tiêu dùng/nhập tư liệu sản xuất	103,5	97,3	96,6	102,2	104,8
7. Chỉ số tỷ giá xuất hàng tiêu dùng lương thực-thực phẩm/nhập hàng tư liệu sản xuất	110,9	97,9	94,3	101,5	104,3

Bảng chỉ số tỷ giá liên hoàn giữa xuất và nhập khẩu hàng năm từ 1995 đến 1999 ở trên cho ta thấy: Trong 5 năm này đã có đến 3 năm có chỉ số tương quan trao đổi thực tế hay điều kiện thương mại bất lợi cho Việt Nam. Đó là các năm 1996, 1997 và 1998. Tuy nhiên trong mối quan hệ tỷ giá cụ thể giữa các nhóm hàng hoá xuất nhập khẩu với nhau cũng có những diễn biến riêng có không hoàn toàn giống nhau. Chẳng hạn như chỉ số tỷ giá giữa xuất khẩu chung với nhập khẩu hàng tư liệu sản xuất (mục 5) chỉ có năm 1995 và 1999 Việt Nam có lợi, tức là có $I_{xn} > 100\%$, còn các năm 1996, 1997 và 1998 đều bị thiệt về giá với các chỉ số tỷ giá tương ứng các năm này đều nhỏ hơn 100%. Cụ thể

chỉ số tỷ giá tương ứng lần lượt là 98,2%, 96,9% và 98,4%;

Đối với chỉ số tỷ giá giữa xuất khẩu chung với nhập khẩu hàng tiêu dùng phi lương thực- thực phẩm thì trong 3 năm đầu từ 1995 đến 1997 thì có lợi còn 2 năm cuối 1998 và 1999 thì bị bất lợi cho Việt Nam, vì các chỉ số này chỉ bằng 96,6% và 98,9%. Cụ thể xem các chỉ số tỷ giá qua các năm của thời kỳ này trong dòng 4 bảng 6 ở trên.

Để thấy rõ xu hướng chung về điều kiện xuất nhập khẩu Việt Nam trong cả thời kỳ 5 năm từ 1995 đến 1999, ta tính toán các chỉ số giá và chỉ số tỷ giá xuất nhập khẩu so với năm 1995 như trong các bảng 7 và 8 sau:

Bảng 7: Chỉ số giá định gốc xuất, nhập khẩu Việt Nam 1995-1999

(Lấy giá năm 1995 = 100)

Đơn vị tính: %

	1996	1997	1998	1999
A. Chỉ số chung giá xuất khẩu	103,5	103,9	100,4	99,3
I. Hàng tiêu dùng	102,6	102,7	103,1	97,3
- Hàng lương thực-thực phẩm	103,2	100,8	100,5	94,5
- Hàng phi lương thực- thực phẩm	101,1	108,6	111,4	106,7
II- Hàng tư liệu sản xuất	104,2	104,8	98,4	100,9
B. Chỉ số chung giá nhập khẩu	104,8	108,5	106,3	95,8
I. Hàng tiêu dùng	102,5	105,7	102,8	98,0
II- Hàng tư liệu sản xuất	105,4	109,2	107,2	96,6

Các chỉ số định gốc giá xuất nhập khẩu hàng năm từ 1996 đến 1999 so với năm 1995 trong bảng trên cho thấy, xu

hướng chung là tốc độ tăng giá xuất khẩu đã ngày càng thấp dần qua từng năm và đến năm 1999 chỉ số này không những

không tiếp tục tăng mà đã giảm đi so với 1995. Còn chỉ số giá nhập khẩu thì tốc độ tăng trong các năm từ 1996 đến 1998 luôn luôn ở mức cao hơn tốc độ tăng giá xuất khẩu, nhưng đến 1999 lại tụt hẳn xuống và thấp hơn khá nhiều so với giá nhập khẩu. Tình hình đó đã làm cho quan hệ tỷ giá giữa xuất khẩu và nhập khẩu

thay đổi khá phức tạp trong thời kỳ này. Để thấy rõ sự biến đổi các quan hệ tỷ giá xuất nhập khẩu hay điều kiện thương mại nước ta qua các năm từ 1995 đến 1999, ta tính các chỉ số tỷ giá xuất nhập khẩu hay chỉ số tương quan trao đổi thực tế như trong bảng 8 sau đây:

Bảng 8: Chỉ số tỷ giá định gốc xuất/ nhập khẩu Việt Nam 1995-1999
(Lấy tỷ giá năm 1995 = 100)

Đơn vị tính: %

	1995	1996	1997	1998	1999
1. Chỉ số tỷ giá xuất/nhập khẩu chung	100,0	98,8	95,8	94,4	103,7
2. Chỉ số tỷ giá xuất chung/nhập hàng TD	100,0	101,0	98,3	97,7	101,3
3. Chỉ số tỷ giá xuất chung /nhập TLSX	100,0	98,2	95,1	93,7	102,8
4. Chỉ số tỷ giá xuất hàng TD/nhập TLSX	100,0	97,3	94,0	96,2	100,7
5. Chỉ số tỷ giá xuất hàng LT-TP/nhập TLSX	100,0	97,9	92,3	93,8	97,8
6. Chỉ số tỷ giá xuất hàng tiêu dùng phi LTTP/nhập TLSX	100,0	95,9	99,5	103,9	110,5
7. Chỉ số tỷ giá xuất TLSX / nhập TLSX	100,0	98,9	96,0	91,8	104,5

Các chỉ số tỷ giá định gốc trong bảng trên đã khẳng định lại một lần nữa rằng, trong 5 năm (1995-1999), chúng ta có 3 năm bất lợi về giá là các năm 1996, 1997, 1998. Và mãi đến năm 1999 Việt Nam mới lại bắt đầu được lợi về giá trong quan hệ xuất nhập khẩu với thị trường thế giới, tức là tương quan trao đổi thực tế hay điều kiện thương mại mới có lợi. Vì các chỉ số tỷ giá của các năm 1996, 1997 và 1998 đều nhỏ hơn 100% ($I_{x/n} < 100\%$); chỉ có năm 1999 có $I_{x/n} > 100\%$, cụ thể chỉ số này là 103,7%.

Nhằm thấy rõ xu hướng chung về quan hệ giữa giá xuất khẩu và nhập khẩu Việt Nam, hay nói khác đi là để khẳng định lại điều kiện xuất nhập khẩu Việt Nam ta trong cả thời kỳ 10 năm đổi mới mở cửa từ năm 1990 đến 1999 như thế nào trên góc độ giá cả, chúng ta sẽ tiến hành tính toán thêm về các chỉ số giá và chỉ số tỷ giá xuất nhập khẩu các thời kỳ 5 năm 1990-1995; 1995-1999 và thời kỳ 10 năm 1990-1999 như sau:

Bảng 9: Chỉ số giá định gốc xuất, nhập khẩu Việt Nam các thời kỳ
1990-1995, 1995-1999 và 1990-1999 (Lấy giá năm 1990 và 1995 = 100)

Đơn vị tính: %

	1995/1990	1999/1995	1999/1990
A. Chỉ số chung giá xuất khẩu	115,8	99,3	115,0
I. Hàng tiêu dùng	114,8	97,3	111,7
- Hàng lương thực - thực phẩm	121,0	94,5	114,3
- Hàng phi lương thực - thực phẩm	95,2	106,7	101,6
II- Hàng tư liệu sản xuất	116,6	100,9	117,6
B. Chỉ số chung giá nhập khẩu	107,2	95,8	102,7
I. Hàng tiêu dùng	106,6	98,0	104,5
II. Hàng tư liệu sản xuất	107,4	96,6	103,7

Các chỉ số tỷ giá giữa xuất khẩu với nhập khẩu trong bảng 9 ở trên cho thấy, trong thời kỳ 1990 -1995 cả giá xuất và giá nhập khẩu nước ta đều tăng lên khá mạnh, xuất khẩu tăng 15,8%, Nhập khẩu tăng 7,2%. Nhưng trong thời kỳ 1995-1999 thì lại ngược lại, chỉ số giá này không những không tăng mà còn giảm đi: xuất khẩu giảm 0,7% và nhập khẩu giảm 4,2%. Tuy nhiên, nếu tính chung trong 10 năm từ 1990 đến 1999 thì cả giá xuất và giá nhập vẫn tăng lên, nhưng tốc độ giá xuất khẩu luôn tăng nhanh hơn giá nhập khẩu (giá xuất tăng 15%, nhập khẩu tăng 2,7%), do đó quan

hệ tỷ giá đã có lợi cho xuất nhập khẩu Việt Nam. Riêng ngành hàng tiêu dùng giá xuất khẩu tăng 11,7%, nhập tăng 4,2%. Hàng tư liệu sản xuất giá xuất tăng 17,6%, nhập tăng 3,7%. Và như vậy nếu xét riêng trong từng nhóm hàng thì giá xuất khẩu cũng luôn tăng cao hơn so với giá nhập khẩu và điều đó chính là điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất, nhập khẩu Việt Nam trong thời kỳ này. Để thấy rõ sự biến động về tỷ giá xuất với giá nhập khẩu, hay điều kiện thương mại Việt Nam qua các thời kỳ 5 năm: 1990-1995, 1995-1999 và 10 năm 1990-1999 này ta tính các chỉ số tỷ giá định gốc tương ứng sau:

Bảng 10: Chỉ số tỷ giá định gốc xuất/ nhập khẩu Việt Nam các thời kỳ 1990-1995; 1995-1999 và 1990-1999 (Lấy tỷ giá năm 1990 và 1995 = 100)

Đơn vị tính: %

	1995/1990	1999/1995	1999/1990
1. Chỉ số tỷ giá xuất/nhập khẩu chung	108,0	103,7	112,0
2. Chỉ số tỷ giá xuất chung/nhập hàng tiêu dùng	108,6	101,3	110,0
5. Chỉ số tỷ giá xuất chung /nhập TLSX	107,8	102,8	110,8
6. Chỉ số tỷ giá xuất hàng tiêu dùng/nhập TLSX	106,8	100,7	107,7
7. Chỉ số tỷ giá xuất hàng tiêu dùng lương thực -thực phẩm / nhập tư liệu sản xuất	112,7	97,8	110,2

Bảng chỉ số tỷ giá trên nói lên rằng, nhìn chung tương quan trao đổi thực tế hay điều kiện thương mại nước ta trong 10 năm (1990-1999) - thời kỳ mà công cuộc đổi mới mở cửa đã thực sự phát huy mạnh mẽ nhất trong lĩnh vực thương mại - nói chung là rất thuận lợi. Cụ thể chỉ số tỷ giá giữa xuất khẩu với nhập khẩu chung năm 1999 so với 1990 là 112% đã nói lên rằng, sau 10 năm giá xuất khẩu Việt Nam đã được lợi hơn giá nhập khẩu là 12%. Điều đó có nghĩa là, nếu như trong năm 1990 ta xuất một khối lượng hàng hoá thì để nhập được một khối lượng hàng hoá nào đó, thì đến năm 1999 cũng khối lượng hàng xuất khẩu đó ta đã có thể nhập được một khối lượng hàng hoá nhiều hơn 12% so với khối lượng của năm 1990.

Đối với nước ta là một nước nông nghiệp, hàng hoá xuất khẩu hiện nay chủ yếu là hàng nông, lâm, thủy sản và một số loại hàng công nghiệp tiêu dùng như may mặc, thủ công mỹ nghệ... Còn nhập khẩu chủ yếu là nguyên, nhiên, vật liệu, máy móc thiết bị cho sản xuất thì các chỉ số tỷ giá xuất nhập khẩu hay chỉ số tương quan trao đổi thực tế qua các thời kỳ như trong bảng trên lại càng có lợi cho nước ta. Cụ thể là chỉ số tỷ giá giữa xuất khẩu hàng tiêu dùng với nhập khẩu hàng tư liệu sản xuất năm 1999 so với 1990 là 107,7%, tăng 7,7%; giữa xuất khẩu hàng lương thực-thực phẩm với nhập khẩu hàng tư liệu sản xuất là 110,2%, tăng 10,2%. Đó chính là điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá nước ta trong thời kỳ 10 năm này.